

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/ HNGĐ - ST  
Ngày 26/6/2020

*V/v tranh chấp ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MÔ - TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn Ký

Ông Nguyễn Văn Huyền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Văn Đại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mô

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mô tham gia phiên tòa:** Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXX - ST ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Khánh T- sinh năm 1982

HKTT: Tổ dân phố L, xã Y, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

**Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị C- sinh năm 1982

Địa chỉ: Xóm 3, thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Có mặt anh Thịnh. Vắng mặt chị Chanh, chị Ccó đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa anh Ttrình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Nguyễn Thị C kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Bình vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 đến 7 tháng thì phát sinh mâu thuẫn.

nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc nên tháng 8/2002 chị C đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đồng Phú, xã Khánh Thượng sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh T xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị C không còn nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Mô giải quyết cho anh được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị C.

Về con chung, tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng anh T chị C chưa có con chung, không có tài sản chung và công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 18/5/2020 chị C trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Yên Bình vào năm 2002. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị không hợp nhau trong cách sống, mỗi người có một quan điểm sống khác nhau do vậy chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2002 đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân thì chị và anh T không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau, Đến nay anh T làm đơn xin ly hôn chị C cũng đồng ý ly hôn với anh T vì chị xác định chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh T chưa có con chung và cũng không có tài sản chung, công nợ chung.

Chị Nguyễn Thị C đã có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải về hôn nhân giữa chị và anh T vì mâu thuẫn vợ chồng chị xảy ra đã lâu và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Thịnh.

Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2020 ông Nguyễn Văn H bố chị C cung cấp: Chị Nguyễn Thị C và anh Nguyễn Khánh T kết hôn với nhau từ năm 2002, tuy nhiên anh chị chung sống cùng nhau chỉ được thời gian ngắn thì chị C bỏ về sống chung cùng với bố mẹ tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Từ khi chị C về sinh sống cùng gia đình ông thì anh T và chị C không liên lạc với nhau, tình cảm vợ chồng không có. Nay anh T làm đơn ly hôn chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn chị C. Do chị C đi làm bận, ông H đã gửi các giấy tờ của Tòa án cho chị C.

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự chấp hành quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa chị C vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị C.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Khánh T và chị Nguyễn Thị Ch.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh chị không có nên không giải quyết.

Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Khánh T khởi kiện xin ly hôn chị Nguyễn Thị C. Chị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 3, thôn Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện Yên Mô thụ lý giải quyết là phù hợp với Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn chị Nguyễn Thị C đến Tòa án nhân dân huyện Yên Mô làm việc, tham gia các phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì mâu thuẫn anh chị xảy ra đã lâu và có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc với Tòa án và trình bày quan điểm của mình, đồng ý ly hôn với anh T. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Khánh T và chị Nguyễn Thị C kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND xã Yên Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn anh T và chị C chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình của anh chị không hợp nhau, mỗi người có một

quan điểm sống khác nhau nên giữa vợ chồng không có tiếng nói chung. Đến tháng 8/2002 chị C đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ ở xã K, huyện Y. Từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, chị C bỏ về nhà bố mẹ đẻ cả chị C và anh T đều không tìm cách khắc phục mâu thuẫn, chưa lần nào anh chị ngồi với nhau để giải quyết mâu thuẫn mà mỗi người đều theo đuổi cách sống riêng của mình, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau. Đến nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị C. Quá trình giải quyết vụ án chị C cũng có văn bản thể hiện, mâu thuẫn vợ chồng anh chị xảy ra đã lâu, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không còn nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh T. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C xảy ra đã 18 năm, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của anh T và đề nghị của chị C xử công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Khánh T và chị Nguyễn Thị C là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung, tài sản chung, công nợ chung: Anh T và chị C đều xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, không có công nợ chung và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Án phí, quyền kháng cáo:

Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí anh T phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Khánh T và chị Nguyễn Thị C. Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Khánh T và chị Nguyễn Thị C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Án phí: anh Nguyễn Khánh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002255 ngày 12/5 /2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm, anh T có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, Chị Cưỡng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình (1)
- VKSND huyện Yên Mô (1)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (1)
- Chi cục THADS huyện Yên Mô (1)
- UBND xã Khánh Thượng (1)
- Các đương sự (2)
- Lưu HS, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hoa**